

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 05/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27213801662	Đặng Mai	An	12/07/2003	Quảng Nam	31CBN7	8.3	5.8	Đạt	
2	28212300412	Nguyễn Ngọc	An	29/10/2004	Gia Lai	31TBN12	4.3	3.8	Không Đạt	
3	28204950432	Đỗ Thị Lan	Anh	06/10/2004	Đắk Lắk	31CBN7	9.3	8.5	Đạt	
4	27202142288	Hồ Mai	Anh	29/09/2003	Đà Nẵng	31CBN7	6.7	6.3	Đạt	
5	26204335799	Hoàng Thị Minh	Anh	25/05/2001	Quảng Trị	30CYC3	3.3	6.3	Không Đạt	
6	28212301053	Nguyễn Xuân	Bảo	13/01/2004	Gia Lai	31TBN12	7.0	7.0	Đạt	
7	28204602460	Dương Bảo	Châu	10/01/2004	Quảng Ngãi	31SSC6	7.7	9.5	Đạt	
8	27207331291	Hồ Thị Hàn	Châu	01/02/2003	Quảng Ngãi	31CBN7	V	V	Không Đạt	
9	29207255383	Nguyễn Đào Đoàn	Châu	09/08/2005	Khánh Hòa	31TBN12	9.3	8.0	Đạt	
10	28203603700	Võ Thị Lan	Châu	08/06/2004	Quảng Nam	31SSC6	7.7	7.5	Đạt	
11	28203541399	Lê Thị Linh	Chi	07/11/2004	Quảng Trị	31SSC6	6.3	8.4	Đạt	
12	27213836771	Nguyễn Quỳnh	Chi	05/10/2003	Quảng Trị	31TBN12	9.7	8.0	Đạt	
13	28204601749	Nguyễn Thị Bích	Diệu	09/07/2004	Bình Định	31SSC6	4.3	5.8	Không Đạt	
14	28206504631	Hồ Thị Mỹ	Dung	17/07/2004	Đắk Lắk	31SSC6	6.3	10.0	Đạt	
15	27213702624	Dương Phương	Duy	01/01/2003	Quảng Nam	31CBN7	V	V	Không Đạt	
16	28218105696	Lê Hoàng	Duy	03/06/2004	Đà Nẵng	31SSC6	8.7	6.8	Đạt	
17	28208103584	Phạm Thị Mỹ	Duyên	09/10/2004	Đắk Lắk	31SSC6	8.7	6.3	Đạt	
18	28203550561	Trần Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	08/07/2004	Đắk Lắk	31TBN12	4.0	3.3	Không Đạt	
19	28206549501	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/05/2004	Đắk Lắk	31TSC9	5.0	2.3	Không Đạt	
20	28214550170	Trần Văn Ngọc	Hải	02/06/2004	Đà Nẵng	31CBN7	5.7	4.3	Không Đạt	
21	28204853934	Lê Trương Gia	Hân	12/10/2004	Bình Định	31TBN12	6.3	6.0	Đạt	
22	28208151980	Phan Ngọc Xuân	Hân	01/10/2004	Bình Định	31SSC6	2.0	5.3	Không Đạt	
23	28204634390	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/09/2004	Đắk Lắk	31CBN7	3.7	1.8	Không Đạt	
24	28208145148	Nguyễn Thị Công	Hạnh	26/06/2004	Quảng Nam	31CBN7	7.0	2.3	Không Đạt	
25	29207239970	Mai Nguyễn Thu	Hiền	25/02/2005	Quảng Ngãi	31TBN12	9.7	9.4	Đạt	
26	28204306169	Trần Thị Ngọc	Hiếu	07/03/2004	Bình Định	31SSC6	9.7	6.8	Đạt	
27	28212751825	Trần Việt	Hùng	18/09/2004	Bình Định	31SSC6	4.7	8.8	Không Đạt	
28	28207139313	Nguyễn Thị Liên	Hương	25/02/2004	Đà Nẵng	31TBN12	4.3	1.8	Không Đạt	
29	28218453232	Hồ Minh	Huy	26/01/2004	Đà Nẵng	31TSC10	6.3	V	Không Đạt	
30	28216301344	Trần Gia	Huy	14/02/2004	Gia Lai	31TBN12	6.3	7.5	Đạt	
31	28208034773	Lê Thị Thanh	Huyền	26/10/2004	Đà Nẵng	31CBN7	9.0	7.8	Đạt	
32	28204533472	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/04/2004	Quảng Nam	31CBN7	5.3	8.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28204600516	Phạm Thị Bích	Huyền	25/05/2004	Quảng Trị	31TBN12	8.3	8.3	Đạt	
34	28206504294	Huỳnh Gia	Khánh	16/10/2004	Bình Định	31TBN12	8.7	3.8	Không Đạt	
35	28214552364	Lý Võ	Lâm	24/08/2004	Bình Định	31CBN7	4.3	6.3	Không Đạt	
36	27202201852	Ngô Thị Hoài	Linh	17/09/2003	Quảng Bình	31CBN7	8.0	7.3	Đạt	
37	28208105772	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/09/2004	Quảng Bình	31TBN12	8.7	7.3	Đạt	
38	28206126863	Phan Hoàng Tú	Linh	08/10/2004	Đà Nẵng	31TBN12	6.0	5.3	Đạt	
39	28204452610	Trần Thị Thùy	Linh	19/04/2003	Quảng Bình	31TBN12	10.0	10.0	Đạt	
40	28214332370	Văn Bá Bảo	Lộc	16/01/2004	Đà Nẵng	31TYC9	7.7	5.3	Đạt	
41	28212306398	Trần Đức	Long	16/12/2004	Đắk Lắk	31TSC9	8.3	6.8	Đạt	
42	29204957291	Trần Thị Ái	Ly	19/08/2005	Quảng Nam	31SHT6	7.7	7.3	Đạt	
43	27214142191	Lê Ngọc	Minh	10/01/2000	Thanh Hóa	31SSC6	8.3	7.8	Đạt	
44	28218005110	Bùi Văn Sơn	Miêu	26/07/2004	Đắk Lắk	31TYC10	V	6.0	Không Đạt	
45	29207264104	Nguyễn Thị Trà	My	26/04/2005	Đà Nẵng	31TBN12	7.7	10.0	Đạt	
46	28204533783	Võ An	Na	30/07/2004	Đà Nẵng	31CBN7	8.3	6.9	Đạt	
47	28208002271	Phan Thiên	Nga	15/06/2004	Quảng Nam	31TYC10	V	V	Không Đạt	
48	29206552475	Nguyễn Thảo	Nguyên	23/07/2004	Thừa Thiên H	31TBN12	10.0	9.8	Đạt	
49	28208005201	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	29/04/2004	Đà Nẵng	31SSC6	8.0	5.3	Đạt	
50	29204634908	Thượng Tô Mỹ	Như	18/09/2005	Quảng Ngãi	31SSC6	5.7	7.0	Đạt	
51	28206822076	Đỗ Quý	Phi	24/02/2004	Quảng Ngãi	31TBN12	9.3	7.5	Đạt	
52	28218143292	Trịnh Kỳ	Phong	28/06/2004	Quảng Nam	31CBN7	6.3	7.3	Đạt	
53	28212549675	Hoàng Minh	Phúc	11/12/2004	Đà Nẵng	31CBN7	9.0	5.5	Đạt	
54	27211342202	Nguyễn Trung	Phúc	26/09/2003	Quảng Ngãi	31SSC6	3.0	5.8	Không Đạt	
55	28212305725	Trương Hoàng	Phúc	25/03/2004	Quảng Nam	31TBN12	5.0	7.0	Đạt	
56	29204139811	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/02/2005	Gia Lai	31SSC6	9.7	10.0	Đạt	
57	28218130469	Đinh Gia	Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	4.7	5.8	Không Đạt	
58	28216235101	Phùng Việt	Quang	29/06/2004	Đà Nẵng	31SSC6	5.0	6.8	Đạt	
59	28214649543	Hoàng Văn Bảo	Quốc	24/02/2004	Quảng Bình	31CBN7	7.3	7.8	Đạt	
60	28204552465	Nguyễn Phạm Khánh	Quỳnh	26/03/2004	Đà Nẵng	31CBN7	7.3	8.9	Đạt	
61	28206254509	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	02/01/2004	Kon Tum	31SSC6	8.0	7.3	Đạt	
62	28204141690	Vũ Thị Kim	Quỳnh	08/10/2004	Đắk Nông	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	
63	27216338219	Trần Nam	Son	20/06/1999	Bình Dương	31CBN7	V	V	Không Đạt	
64	28218105857	Nguyễn Toàn	Thắng	16/09/2004	Quảng Nam	31CHT1	5.0	5.0	Đạt	
65	28212253672	Nguyễn Đức	Thế	07/04/2004	Bình Định	31TBN12	8.3	8.3	Đạt	
66	27204802168	Phan Thái Thiên	Thiên	23/09/2003	Quảng Nam	31SSC6	6.0	6.4	Đạt	
67	28212750109	Trần Duy	Thoại	03/01/2004	Đà Nẵng	31SSC6	6.7	9.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	27214200739	Hắc Minh	Thư	15/04/2003	Đà Nẵng	31SSC6	7.0	7.0	Đạt	
69	28204528135	Hoàng Ngọc Thủy	Tiên	28/11/2004	Quảng Trị	31CBN7	9.3	7.8	Đạt	
70	28204350021	Lê Thị Thủy	Tiên	24/06/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	7.7	5.9	Đạt	
71	28219731142	Huỳnh Văn	Tiến	29/07/2004	Phú Yên	31SSC6	7.0	7.8	Đạt	
72	28214305684	Nguyễn Hoàng Tiên	Tiến	09/10/2004	Quảng Nam	31CHT6	6.0	9.3	Đạt	
73	28214553603	Nguyễn Quang	Tiến	12/05/2004	Quảng Nam	31CBN7	7.7	6.8	Đạt	
74	28218151935	Phạm Quang	Tiếp	13/11/2004	Hưng Yên	31SSC6	4.7	7.3	Không Đạt	
75	27211327005	Trần Văn	Toàn	07/02/2003	Gia Lai	31TBN12	7.7	7.8	Đạt	
76	29204164487	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	20/12/2005	Quảng Trị	31TBN12	7.0	8.4	Đạt	
77	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	25/10/2004	Hồ Chí Minh	31TSC9	6.0	4.3	Không Đạt	
78	28206536910	Nguyễn Thị Thảo	Trâm	09/07/2004	Quảng Nam	31TBN12	9.7	7.5	Đạt	
79	28208048624	Trần Thị Huyền	Trâm	01/01/2004	Quảng Nam	31SSC6	4.0	3.8	Không Đạt	
80	28204802948	Dương Nguyễn Thùy	Trang	08/03/2004	Vũng Tàu	31CBN7	9.7	8.0	Đạt	
81	29207254785	Trần An Hà	Trang	15/11/2005	Khánh Hòa	31TBN12	9.3	10.0	Đạt	
82	27212125683	Từ Quang	Trí	10/11/2003	Đà Nẵng	31THT8	6.0	7.0	Đạt	
83	28209424598	Phan Ngọc Kiều	Trinh	20/06/2004	Đà Nẵng	31TBN12	7.7	6.3	Đạt	
84	28216704189	Tôn Thị Út	Trinh	29/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN12	6.3	8.0	Đạt	
85	28212200122	Lê Huỳnh Anh	Tuấn	19/11/2004	Quảng Trị	31TBN12	8.3	9.8	Đạt	
86	29206565552	Lê Thị	Ty	10/02/1997	Quảng Trị	31TBN12	9.3	10.0	Đạt	
87	28206105368	Đặng Nguyễn Ngọc	Uyên	06/12/2004	Đà Nẵng	31CBN7	8.7	7.0	Đạt	
88	28208132099	Nguyễn Thị Thúy Phươn	Uyên	17/08/2004	Đà Nẵng	31TBN12	10.0	9.9	Đạt	
89	28204600594	Phạm Tường	Vi	10/11/2003	Đà Nẵng	31CBN7	8.0	6.0	Đạt	
90	28218100524	Lê Công	Viên	10/07/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	6.0	8.9	Đạt	
91	28206502363	Võ Phan Hồng	Viên	28/09/2004	Phú Yên	31TBN12	7.7	6.4	Đạt	
92	28218000754	Võ Quốc	Việt	10/02/2004	Quảng Nam	31TBN10	3.0	6.3	Không Đạt	
93	28210222806	Nguyễn Thành	Vinh	12/12/2004	Đà Nẵng	31CBN7	5.0	1.8	Không Đạt	
94	28204622484	Trần Nguyễn Ý	Vy	04/01/2004	Đà Nẵng	31TBN12	6.0	7.3	Đạt	
95	28214600713	Nguyễn Gia	Vỹ	01/04/2002	Kon Tum	31CBN7	9.7	7.3	Đạt	
96	28204652430	Tô Thị Mỹ	Yên	10/04/2004	Phú Yên	31TBN12	8.7	9.5	Đạt	
97	28208100741	Nguyễn Đỗ Ngọc	Yến	20/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN7	6.0	5.5	Đạt	
98	28206702994	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	08/01/2002	Thừa Thiên H	31TBN12	10.0	7.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh